

Công ty: Công ty CP quản lý quỹ Genesis

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc

Điện thoại: Fax:

Số công văn: 10/2025/GFM/BC

V/v báo cáo tài chính quý 4 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Năm: 2024

Thông tư số 125/2011/TT-BTC

STT	Nội dung	Tên sheet
1	Bảng cân đối kế toán	BangCanDoiKeToan_06001
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	BCKetQuaHoatDongKinhDoanh_06002
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	BCLuuChuyenTienTe_06003
4	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	BCTinhHinhBienDongVCSH_06173

Ghi chú

Không đổi tên sheet

Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu"

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Xuân Hân

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

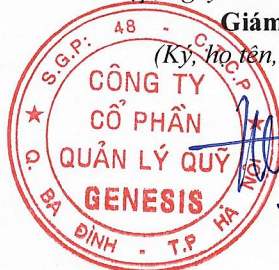


Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Hồng Trang

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Số cuối kỳ 4	Số đầu kỳ 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7,455,020,025	16,860,209,552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,666,268,764	8,060,866,828
1. Tiền	111		2,666,268,764	8,060,866,828
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,686,625,905	5,440,008,917
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3,687,654,779	5,576,036,218
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn(*)	129		(1,028,874)	(136,027,301)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		972,987,394	1,363,084,443
1. Phải thu của khách hàng	131		5,174,047	100,800,000
2. Trả trước cho người bán	132		299,656,183	38,496,985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		668,157,164	1,223,787,458
5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135			
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139			-
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		129,137,962	1,996,249,364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125,469,962	105,247,364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,668,000	1,891,002,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		23,180,517,234	11,516,788,225
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		124,778,500	124,778,500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		124,778,500	124,778,500
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,129,966,680	1,746,837,723
1. Tài sản cố định hữu hình	221		47,871,912	94,493,652
- Nguyên giá	222		251,363,998	251,363,998
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(203,492,086)	(156,870,346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227		3,082,094,768	44,844,071
- Nguyên giá	228		3,365,500,000	150,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(283,405,232)	(105,655,929)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1,607,500,000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19,800,000,000	9,472,638,671
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		19,800,000,000	10,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	(527,361,329)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		125,772,054	172,533,331
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		125,772,054	172,533,331
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30,635,537,259	28,376,997,777
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2,291,811,604	1,051,551,721
I. Nợ ngắn hạn	310		2,237,811,604	1,051,551,721
1. Vay ngắn hạn	311			-
2. Phải trả người bán	312		1,343,739,997	39,044,709
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		156,661,886	171,169,939
5. Phải trả người lao động	315		607,860,731	646,507,325
6. Chi phí phải trả	316X		47,639,230	110,171,988

7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	81,909,760	84,657,760
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	-	-
II. Nợ dài hạn	330	54,000,000	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	54,000,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28,343,725,655	27,325,446,056
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(21,656,274,345)	(22,674,553,944)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	30,635,537,259	28,376,997,777
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2		
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	10,860,550,000	1,819,830,000
Trong đó:	3		
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	10,860,550,000	1,819,830,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020	10,000,000,000	10,000,000,000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	28,046,812	1,916,507,684
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	28,046,812	
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		1,916,507,684
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	34,832,844,125	10,686,180,962
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	34,832,844,125	
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	-	10,686,180,962
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	44,100,000	454,500,890
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	187,066,873	129,579,897

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125051		40,000,000,000	50,000,000,000	10,000,000,000		-	-	50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	125052									
3. Vốn khác của chủ sở hữu	125053									
4. Cổ phiếu quỹ (*)	125054									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	125055									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	125056									
7. Quỹ đầu tư phát triển	125057									
8. Quỹ dự phòng tài chính	125058									
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	125059									
10. Lợi nhuận chưa phân phối	125060		(18,163,572,431)	(22,674,553,944)						
Cộng	125061		21,836,427,569	27,325,446,056	10,000,000,000	4,510,981,513	1,018,279,599	-	(22,674,553,944)	(21,656,274,345)
						4,510,981,513	1,018,279,599	-	27,325,446,056	28,343,725,655

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay 4	Năm trước 5	Năm nay 6	Năm trước 7
1. Doanh thu	01		2,469,131,211	1,323,787,458	8,072,345,421	2,168,151,261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		2,469,131,211	1,323,787,458	8,072,345,421	2,168,151,261
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		814,680,444	1,500,630,695	2,843,003,167	2,803,607,914
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		1,654,450,767	(176,843,237)	5,229,342,254	(635,456,653)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18,057,394	24,969,517	974,176,000	1,016,822,833
7. Chi phí tài chính	22		6,013,615	(786,483,407)	(602,526,365)	(1,463,696,760)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,748,477,251	1,243,431,322	5,762,936,666	6,343,764,945
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)- 25)	30		(81,982,705)	(608,821,635)	1,043,107,953	(4,498,702,005)
10. Thu nhập khác	31		1,734,299			-
11. Chi phí khác	32		-	10,179,508	26,562,653	12,279,508
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,734,299	(10,179,508)	(24,828,354)	(12,279,508)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(80,248,406)	(619,001,143)	1,018,279,599	(4,510,981,513)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(80,248,406)	(619,001,143)	1,018,279,599	(4,510,981,513)
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		(16.05)	(123.80)	203.66	(927.87)

Chi tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Kỳ này 4	Kỳ trước 5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(105,642,391)	(55,947,452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,099,970,196)	(2,321,876,082)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,559,404,583	9,915,171,025
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(3,092,218,066)	(3,076,806,581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		261,573,930	4,460,540,910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	2			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9,143,497	12,865,848
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	3		9,143,497	12,865,848
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		270,717,427	4,473,406,758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,395,551,337	3,587,460,070
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,666,268,764	8,060,866,828

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1			
2. Điều chỉnh cho các khoản	01			
- Khấu hao TSCĐ	010			
- Các khoản dự phòng	02			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04			
- Chi phí lãi vay	05			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	06			
- Tăng, giảm các khoản đầu tư	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	19			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	09			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	11			
- Tiền lãi vay đã trả	12			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13			
- Tiền khu khác từ hoạt động kinh doanh	14			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	16			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22			
4. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	26			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	30			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	33			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	34			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	36			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	40			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	61			
	70			

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 20 nhân viên đang làm việc

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

· Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

· Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

· Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5
Phần mềm	15

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

· Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

· Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

· Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

· Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	239,306,360	3,259,712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,426,962,404	8,057,607,116
Cộng	2,666,268,764	8,060,866,828

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	530,358,863	597,520,000	-	971,404,180	897,212,800	(74,191,380)
Ngân hàng TMCP Á Châu	261,607,762	307,020,000	-	459,600,539	498,984,200	-
Công ty Cổ phần FPT			-	715,537,419	938,608,700	-
Công ty Cổ phần Gemadept	594,348,874	593,320,000	(1,028,874)	465,328,286	465,300,000	(28,286)
Ngân hàng TMCP Quân Đội	257,189,598	311,240,000	-	447,543,654	477,775,700	-
Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	564,464,323	606,980,000	-	942,030,787	997,600,000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	294,760,000	305,660,000	-	141,119,117	133,560,000	(7,559,117)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	273,910,727	314,313,500	-	450,923,719	478,710,400	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	294,394,632	309,690,000	-	459,000,000	469,800,000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam			-	523,548,519	469,300,000	(54,248,519)
Công ty CP XD Conteccons	300,640,000	302,280,000	-			
Công ty CP Dệt may - ĐT - TM Thành Công	295,980,000	301,455,000	-			
			-			
Cộng	3,667,654,779	3,949,478,500	(1,028,874)	5,576,036,218	5,826,851,800	(136,027,301)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu kỳ	39,475,007	1,759,751,659
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	38,446,133	1,623,724,358
Số cuối kỳ	1,028,874	136,027,301

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng BIDV Hà Thành	4,200,000	100,800,000
Khách hàng khác	974,047	
Cộng	5,174,047	100,800,000

4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán		68,764,670
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	668,157,164	240,022,788
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	915,000,000
Cộng	668,157,164	1,223,787,458

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gác - Măng - Giê		23,249,430
Công ty cổ phần công nghệ và dịch vụ Codluck	9,000,000	
Công ty cổ phần đầu tư Đông Dương	196,350,000	
Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK	10,800,000	
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	81,000,000	
Các nhà cung cấp khác	2,506,183	15,247,555
Cộng	299,656,183	38,496,985

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		1,819,802,000
Tạm ứng	-	1,819,802,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3,668,000	71,200,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3,668,000	71,200,000
Cộng	3,668,000	1,891,002,000

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Đông Dương	124,778,500	124,778,500
Cộng	124,778,500	124,778,500

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cước dịch vụ viễn thông	-	36,000,000
Chi phí thuê văn phòng	34,428,225	29,750,000
Chi phí bảo hiểm	41,480,363	26,721,334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	49,561,374	12,776,030
Cộng	125,469,962	105,247,364

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	100,197,459	147,332,119
Chi phí trả trước dài hạn khác	25,574,595	25,201,212
Cộng	125,772,054	172,533,331

8. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản là máy móc và thiết bị.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	251,363,998	191,836,651	59,527,347
Khấu hao trong kỳ	-	11,655,435	11,655,435
Số cuối kỳ	251,363,998	203,492,086	47,871,912

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	3,305,000,000	60,500,000	3,365,500,000
Số cuối kỳ	3,305,000,000	60,500,000	3,365,500,000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	172,891,099	49,406,437	222,297,536
Khấu hao trong kỳ	58,083,333	3,024,363	61,107,696
Số cuối kỳ	230,974,432	52,430,800	283,405,232
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3,132,108,901	11,093,563	3,143,202,464
Số cuối kỳ	3,074,025,568	8,069,200	3,082,094,768
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Phải nộp	Số phải nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập cá nhân	81,826,636	154,151,010	83,815,760
Thuế khác	4,500,000	-	-
Cộng	86,326,636	154,151,010	83,815,760
			156,661,886

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(80,248,406)	1,205,814,029
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(80,248,406)	1,205,814,029
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	12,180,000	19,400,000
Lỗi các năm trước được chuyển	(92,428,406)	(1,186,414,029)
Thu nhập tính thuế	(92,428,406)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10,800,000</i>	<i>13,500,000</i>
Vũ Quang Vịnh	6,300,000	9,000,000
Nguyễn Hải Long	4,500,000	4,500,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>71,109,760</i>	<i>71,157,760</i>
Kinh phí công đoàn	68,109,760	68,157,760
Bảo hiểm xã hội		
Bảo hiểm y tế		
Phải trả ngắn hạn khác	3,000,000	3,000,000
Cộng	81,909,760	84,657,760

12. Vốn chủ sở hữu

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	40,000,000,000	(18,163,572,431)	21,836,427,569
Lợi nhuận trong kỳ trước		(4,510,981,513)	(4,510,981,513)
Tăng vốn	10,000,000,000		10,000,000,000
Số dư cuối kỳ trước	50,000,000,000	(22,674,553,944)	27,325,446,056
Số dư đầu năm nay	50,000,000,000	(22,674,553,944)	27,325,446,056
Lợi nhuận trong kỳ		1,018,279,599	1,018,279,599
Tăng vốn			-
Số dư cuối kỳ này	50,000,000,000	(21,656,274,345)	28,343,725,655

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ		Vốn điều lệ đã góp
	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Đỗ Hoàng Quỳnh Trang	34,400,000,000	68.80%	34,400,000,000
Công ty TNHH Lucky	13,738,000,000	27.48%	13,738,000,000
Nguyễn Văn Hòa	1,862,000,000	3.72%	1,862,000,000
Cộng	50,000,000,000	100%	50,000,000,000

12b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

13. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán giao dịch		
Cổ phiếu niêm yết	10,860,550,000	1,819,830,000
Cộng	10,860,550,000	1,819,830,000

14. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu kỳ	1,258,765,986	4,355,852,891
Tăng trong năm	9,481,719,249	92,416,359,562
Giảm trong năm	(10,712,438,423)	(94,855,704,769)
Số cuối kỳ	28,046,812	1,916,507,684

15. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

a Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán niêm yết	-	6,686,180,962
Tiền gửi có kỳ hạn	-	4,000,000,000
Chứng khoán khác	-	-
Cộng	-	10,686,180,962

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		Giá trị thị trường		Giá trị gốc
Cổ phiếu niêm yết				
Quỹ ETF VFMVN Diamond	149,400	3,950,136,000	149,400	3,430,401,617
Công ty chứng khoán SG-HN (SHS)	16,500	311,850,000	16,500	278,912,999
Tập đoàn CEO	9,000	204,300,000	9,000	204,150,000
Cổ phiếu khác	129,879	2,863,643,300	129,879	2,772,716,346
Cộng	-	-	304,779	6,686,180,962

b Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán niêm yết	34,832,844,125	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Cộng	34,832,844,125	-

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Mã CK	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
			Giá trị thị trường		Giá trị gốc
Cổ phiếu niêm yết					
1 Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	95,900	2,474,220,000	2,323,284,757	
2 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	BCM	8,500	602,650,000	613,294,000	
3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	14,900	559,495,000	603,100,431	
4 Tập đoàn Bảo Việt	BVH	10,800	547,560,000	478,111,841	
5 Công ty CP XD Conceccons	CTD	26,800	1,841,160,000	1,819,729,963	
6 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	15,900	601,020,000	536,104,291	
7 Công ty Cổ phần FPT	FPT	3,800	579,500,000	501,551,797	
8 Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	GAS	8,408	572,584,800	669,270,000	
9 Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	55,733	3,633,791,600	3,743,517,113	
10 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt	GVR	18,700	567,545,000	644,812,725	
11 Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố HCM	HDB	24,600	627,300,000	537,809,427	
12 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa phát	HPG	21,300	567,645,000	552,702,013	
13 Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	99,300	2,492,430,000	2,394,140,313	
14 Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	MSB	70	815,500	789,244	
15 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	8,200	574,000,000	630,333,108	
16 Công ty CP ĐT thể giới di động	MWG	9,400	573,400,000	638,246,667	
17 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	PLX	14,900	558,750,000	709,868,391	
18 Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	37,200	3,641,880,000	3,706,144,208	
19 Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt	POW	47,700	572,400,000	630,999,783	
20 Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	11,300	760,490,000	732,354,320	
21 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	53,200	3,612,280,000	3,618,257,803	
22 Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	10,100	560,550,000	581,017,022	
23 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	56,300	577,075,000	579,890,000	
24 Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	SSB	34,000	569,500,000	578,660,000	
25 Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt	TCB	75,700	1,866,005,000	1,781,860,000	
26 Công ty CP Dệt may - ĐT - TM Thành Công	TCM	37,600	1,799,160,000	1,781,021,207	
27 Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	112,920	1,880,118,000	1,715,207,113	
28 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	95,556	1,882,453,200	1,730,766,590	
Cộng		1,008,787	35,095,778,100	34,832,844,125	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền cổ phiếu đã bán	-	429,985,000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	5,895,890
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	44,100,000	18,620,000
Cộng	44,100,000	454,500,890

17. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập đầu tư vốn	-	25,327,599
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	177,244,398	68,764,670
Phải trả khác	9,822,475	35,487,628
Cộng	187,066,873	129,579,897

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

	Quý này	Quý trước
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	668,157,164	590,391,544
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	974,047	144,119,969
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	1,800,000,000	2,150,000,000
Cộng	2,469,131,211	2,884,511,513

2. Giá vốn hoạt động nghiệp vụ

	Quý này	Quý trước
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	814,680,444	691,791,936
Cộng	814,680,444	691,791,936

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này	Quý trước
Doanh thu từ hoạt động tự doanh	4,545,897	281,005,582
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12,180,000	19,400,000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1,331,497	804,366
Cộng	18,057,394	301,209,948

4. Chi phí tài chính

	Quý này	Quý trước
Chi phí hoạt động tự doanh	42,258,467	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá CKKD	(38,446,133)	(17,554,993)
Chi phí dự phòng giảm giá CKKD	-	23,495,000
Phí ngân hàng	699,164	2,988,347
Chi phí môi giới	1,398,324	5,976,682
Chi phí lưu ký	103,793	121,709
Cộng	6,013,615	15,026,745

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này	Quý trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,092,706,064	809,118,060
Chi phí đồ dùng văn phòng	17,301,312	13,848,323
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,524,363	7,524,363
Thuế, phí và lệ phí	9,386,328	10,973,672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157,678,847	134,130,668
Chi phí bằng tiền khác	463,880,337	290,931,012
Cộng	1,748,477,251	1,266,526,098

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí khác

Là các chi phí tiếp khách, xúc tiến triển khai hợp đồng không có hóa đơn.

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Quý này	Quý trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(80,248,406)	1,205,814,029
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(80,248,406)	1,205,814,029
Số lượng bình quân gia quyền của CP phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5,000,000	5,000,000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(16.05)	241.16

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc).

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này			
Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị		21,000,000	21,000,000
Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị		15,000,000	15,000,000
Ông Bạch Nguyễn Vũ – Tổng Giám đốc	34,716,718		34,716,718
Cộng	34,716,718	36,000,000	70,716,718
Năm trước			
Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị		30,000,000	30,000,000
Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị		15,000,000	15,000,000
Ông Bạch Nguyễn Vũ – Tổng Giám đốc	34,125,790		34,125,790
Cộng	34,125,790	45,000,000	79,125,790

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Đỗ Xuân Hân

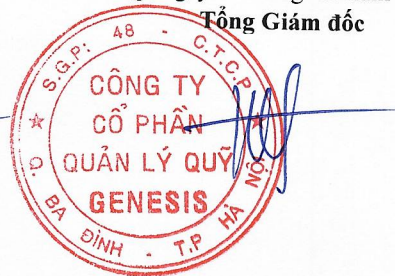
Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Hồng Trang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1A** /2025/CV-GFM

V/v: Giải trình LNST kỳ báo cáo biến động từ
10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

TP Hà Nội, ngày 14 ngày 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Vụ Quản lý các Công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán.

- Căn cứ khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần quản lý quỹ Genesis (“Công ty”) xin được giải trình nội dung lợi nhuận sau thuế trong kỳ lãi, chuyển từ lỗ ở báo cáo năm trước sang lãi ở kỳ này tại Báo cáo tài chính Quý IV.2024 như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý IV Năm 2024	Quý IV Năm 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ so sánh
Lợi nhuận sau thuế	(80.248.406)	(619.001.143)	538.752.737	87%

Chênh lệch là do nguyên nhân chủ yếu sau đây:

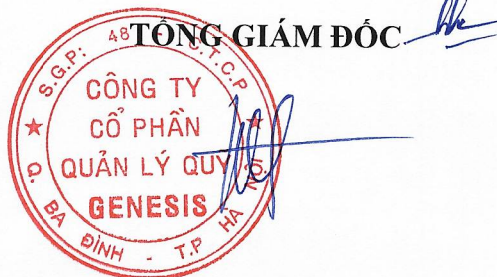
- Doanh thu hoạt động và doanh thu tài chính tăng: 1.138.431.630 đồng;
- Chi phí hoạt động và chi phí tài chính tăng: 611.592.700 đồng.

Trên đây Công ty xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong kỳ chuyển từ lỗ nhiều ở báo cáo năm trước sang lỗ ít hơn ở kỳ này tại Báo cáo tài chính Quý IV năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên kính gửi;
- Lưu VT;
- Lưu KSNB.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Hồng Trang